

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XM
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 19/11/2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Đình Luật.

2. Bà Phùng Thị Khánh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy – Thư ký tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lệ Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện XM xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 301/2020/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 114/2020/QĐST- HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị T, sinh năm: 1987 (**vắng mặt, có đơn xin vắng mặt**).

Địa chỉ: Ấp 4, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Bị đơn: Ông Lê Minh M, sinh năm: 1985 (**vắng mặt**).

Địa chỉ: Ấp 4, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2020 bản khai và các biên bản làm việc tiếp theo tại tòa án nguyên đơn – Bà Bùi Thị T trình bày:

Bà Bùi Thị T xây dựng gia đình với ông Lê Minh M vào năm 2007 có đăng ký kết hôn tại UBND xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, được sự đồng ý của hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới, trước khi cưới bà T và ông M có tìm hiểu nhau một thời gian, hôn nhân là trên cơ sở tự nguyện. Cuộc sống chung giữa bà T và ông M hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà T và ông M bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã. Bà T và ông M cố gắng khắc phục những mâu thuẫn giữa vợ chồng nhưng tình hình vẫn không có gì thay đổi. Bà T và ông M ly thân từ tháng 10 năm 2019 cho đến nay, không còn quan hệ qua lại gì về mặt tình cảm cũng như kinh tế.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông M.

- Về con chung: Bà T và ông M có 03 con chung tên Lê Minh D, sinh ngày 28/3/2008; Lê Ngọc Thảo M, sinh ngày 02/8/2013 và Lê Ngọc Thảo V, sinh ngày 22/12/2015, hiện các con chung đang sống với bà T. Bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông M tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập ông Lê Minh M đến tham gia hòa giải nhiều lần nhưng ông M vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Do đó Tòa án lập biên bản về việc vắng mặt đương sự không tiến hành hòa giải được để có cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Tại các phiên Tòa ông M đều vắng mặt không có lý do.

Phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, còn bị đơn vắng mặt tại các buổi làm việc trước đây cũng như tại các phiên tòa là chưa chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ly hôn và giải quyết con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Quan hệ tranh chấp: Bà Bùi Thị T yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với ông Lê Minh M, đây là quan hệ pháp luật “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Lê Minh M có nơi cư trú tại địa bàn huyện XM theo điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trong quá trình tham gia tố tụng, bà Bùi Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Lê Minh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông M vắng mặt không có lý do. Vì vậy việc xét xử vắng mặt bà T, ông M là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T, ông M xây dựng gia đình vào năm 2007 có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 32, quyển số I/2007 ngày 30/3/2007 tại UBND xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu), xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà T và ông M chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bà T và ông M bất đồng quan điểm nên thường phát sinh cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung. Từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng

rạn nứt, bà T và ông M đã ngồi lại để giải quyết mâu thuẫn nhưng tình hình vẫn không có gì thay đổi. Hiện bà T và ông M đã ly thân từ tháng 10/2019 đến nay không còn quan hệ qua lại gì về mặt tình cảm cũng như kinh tế.

Kết quả xác minh tại địa phương: Do bà T và ông M không hòa giải ở cơ sở nên địa phương không rõ nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà T và ông M. Tuy nhiên, hiện nay bà T và ông M không sống chung với nhau là phù hợp với lời trình bày của bà T.

Xét yêu cầu của bà T cho thấy sau khi mâu thuẫn xảy ra, lẽ ra bà T và ông M phải cùng tìm cách khắc phục những mâu thuẫn của vợ chồng để cuộc sống chung được hạnh phúc và cùng nhau chăm sóc nuôi dạy con cái nhưng từ tháng 10/2019 đến nay bà T và ông M ly thân. Sau khi bà T gửi đơn, Tòa án đã tiến hành nhiều phiên hòa giải để đoàn tụ vợ chồng nhưng không thể hòa giải được, ông M vắng mặt không lý do, thể hiện không có thiện chí hòa giải.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng của bà T và ông M thật sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông M.

[3] Về con chung: Bà T và ông M có 03 con chung tên Lê Minh D, sinh ngày 28/3/2008; Lê Ngọc Thảo M, sinh ngày 02/8/2013 và Lê Ngọc Thảo V, sinh ngày 22/12/2015, hiện các con chung đang sống với bà T.

Xét yêu cầu của bà T cho thấy, từ khi bà T nộp đơn và Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay ông M không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình về việc bà T có yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung. Xét hiện 03 con chung đang sống với bà T, hơn nữa cháu Dũng và cháu M có nguyện vọng ở với bà T, cháu V còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của người mẹ nên Tòa án căn cứ vào thực tế và các quy định của Luật hôn nhân và gia đình, để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung, giao cháu Dũng, cháu M và cháu V cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị T đối với ông Lê Minh M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị T được ly hôn với ông Lê Minh M.

2. Về con chung: Giao 03 con chung tên Lê Minh D, sinh ngày 28/3/2008; Lê Ngọc Thảo M, sinh ngày 02/8/2013 và Lê Ngọc Thảo V, sinh ngày 22/12/2015 cho bà Bùi Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông Lê Minh M cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

Ông Lê Minh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Bùi Thị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Bà Bùi Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà T đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008463 ngày 12/6/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện XM;
- Chi cục THADS huyện XM;
- UBND xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thảo